



tàng fà

烫发

verb-object / noun · perm hair

Example Sentences

Tā jīn tiān qù lǐ fà diàn tàng fà le
她今天去理发店烫发了。

She went to the hair salon to get a perm today.

Tàng fà hòu tā de tóu fa biàn de hěn juǎn
烫发后她的头发变得很卷。

After the perm, her hair became very curly.

Zhè zhǒng tàng fà fāng shì duì tóu fa shāng hài jiào xiǎo
这种烫发方式对头发伤害较小。

This perm method causes less damage to hair.

Trace each character, then write the word on your own.

烫	烫	烫	烫	烫	烫	烫	烫	烫	烫	烫
烫	烫									
发	发	发	发	发	发	发	发			